TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 24/2019/DS.ST
Ngày: 12 - 8 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hoàn Thanh
2. Ông Trần Văn Giữ
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ
- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
(không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm)

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019, về việc: Tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST -DS ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh K**, sinh năm 1987 (có mặt).
Chị **Đoàn Thị Hồng P**, sinh năm 1990 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ 06, ấp K M, xã M T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Bà **Hồ Thị Thu H** (Út H), sinh năm 1971 (vắng mặt).
Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1969 (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 07, ấp K M, xã M T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/5/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh K, chị Đoàn Thị Hồng P trình bày:

Vào khoảng tháng 11/2017, bà Hồ Thị Thu H (tên thường gọi là Út H) có mở và chủ hụi các dây hụi, cụ thể:

Dây hụy 2.000.000đ mở ngày 06/11/2017, có 17 phần, vợ chồng anh chị tham gia 01 phần, anh chị hốt chót được 32.000.000đ nhưng bà H chưa giao tiền hụi.

Dây hụi 2.000.000đ mở ngày 12/02/2018, có 17 phần, vợ chồng anh chị tham gia 01 phần, đã góp hụi sống đến tháng 4/2019 được 14 lần với số tiền là 28.000.000đ, ngày 15/4/2019 bà H tuyên bố bể hụi nên ngưng góp hụi.

Dây hụi 2.000.000đ, mở ngày 06/01/2018 có 17 phần, vợ chồng anh chị tham gia 02 phần, đã góp hụi sống đến tháng 4/2019 được 14 lần với số tiền bằng 28.000.000đ x 02 bằng 56.000.000đ, ngày 15/4/2019 bà H tuyên bố bể hụi nên ngưng góp hụi.

Dây hụi 2.000.000đ mở ngày 06/01/2018, có 17 phần, vợ chồng anh chị tham gia 02 phần, đã góp hụi sống đến tháng 4/2019 được 14 lần với số tiền là 28.000.000đ x 02 bằng 56.000.000đ, ngày 15/4/2019 bà H tuyên bố bể hụi nên ngưng góp hụi.

Sau khi vở hụi, bà H đã tính toán lại nợ hụi của anh chị và làm biên nhận nợ ngày 15/4/2019 còn nợ tất cả là 152.000.000đ, đến ngày 29/3al/2019 (ngày 03/5/2019 dương lịch) bà H đã gửi trả 4.000.000đ. Bà H mở hụi và tham gia chơi hụi trong các dây hụi để nuôi heo, nuôi cá, lo cho con cái học hành, chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, ông Lê Văn H chồng bà H đều biết, đây là nợ trong thời kỳ hôn nhân.

Anh Khoa, chị Phượng yêu cầu bà H, ông H có trách nhiệm trả vợ chồng anh chị số tiền hụi còn nợ bằng 148.000.000đ.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh K, chị Đoàn Thị Hồng P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Hí, bà Hận trả số tiền hụi còn nợ bằng 148.000.000đ. Các dây hụi đều là hụi có lãi, thực tế anh chị góp hụi sống bao nhiêu trong từng dây hụi thì không nhớ chính xác vì không mở sổ theo dõi, do quan hệ là cô ruột nên tin tưởng, bà H có mở sổ theo dõi việc góp hụi, giao hụi hay không anh chị không rõ. Chỉ sau khi vở hụi thì bà H thống nhất số tiền thực tế còn nợ vợ chồng anh chị là 152.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét các nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền hụi còn nợ theo Biên nhận ngày 15/4/2019, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Tân nên tranh chấp và

quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét tại đơn khởi kiện anh K, chị Pyêu cầu ông Lê Văn H và bà Hồ Thị Thu H cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi còn nợ nên Hội đồng xét cử xác định ông Hí là đồng bị đơn trong vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Xét bà H, ông H là người có nghĩa vụ, hợp đồng góp hụi với nguyên đơn khi thực hiện tại nhà bà H, ông H thuộc ấp K M, xã M T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long nhưng bà H đã không có mặt tại địa chỉ này mà không thông báo cho nguyên đơn và Tòa án nhân dân huyện Bình Tân biết địa chỉ hiện nay nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Bà H, ông H được triệu tập hợp lệ dự phiên tòa vào các ngày 23/7/2019, ngày 12/8/2019 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét ông H, bà H đã được thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm không tham gia phiên tòa và không có ý kiến phản đối chứng cứ là Biên nhận ngày 15/4/2019 của bà H do nguyên đơn xuất trình, đây được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét các chân hụi mở ngày 06/11/2017 (hụi đã mãn, anh K chị P được lĩnh 32.000.000đ), mở ngày 12/02/2017, ngày 06/01/2018 đều là hụi có lãi, khi có hụi viên kêu và được lĩnh hụi thì anh K, chị P góp hụi sống không đến số tiền 2.000.000đ, như vậy thực tế anh K chị P thực góp số tiền không đến 28.000.000đ của chân hụi mở ngày 12/02/2018; và không đến số tiền 112.000.000đ cho dây hụi mở ngày 06/01/2018 (02 phần x 28.000.000đ/phần x 02 dây). Do quan hệ cô dì cháu, anh K, chị P tin tưởng chủ hụi nên không mở sổ theo dõi các lần góp hụi sống, bà H là chủ hụi hưởng huê hồng nhưng thực hiện không hết trách nhiệm của chủ hụi trong việc lập và quản lý sổ sách theo dõi việc góp hụi, lĩnh hụi và giao hụi để làm căn cứ đối chiếu việc kêu hụi, góp hụi và lĩnh hụi, đồng thời làm căn cứ cho việc giải quyết khi xảy ra tranh chấp. Mặt khác, sau khi vở hụi bà H đã thống nhất và viết biên nhận còn nợ vợ chồng anh K, chị P số tiền là 152.000.000đ, đã trả 4.000.000đ; bà H, ông H không tham gia tố tụng

ở cấp sơ thẩm, Tòa án cũng không thể thu thập thêm chứng cứ nào khác để làm căn cứ xem xét điều chỉnh lãi suất của các dây hụi đang tranh chấp, vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K chị P xác định số tiền bà H còn nợ là 148.000.000đ.

[2.3] Xét việc bà H mở hụi làm chủ hụi, tham gia chơi hụi là để chi tiêu phục vụ cho chi tiêu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, việc mở hụi tại nhà, khoản nợ phát sinh trong thời gian vợ chồng ông H bà H chung sống, ông H đều biết; ông H cũng không phản đối yêu cầu của anh K, chị P nên buộc ông H và bà H cùng trả số nợ trên là có căn cứ và phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc H, bà H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh K, chị P không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh K và chị Đoàn Thị Hồng P.

2. Buộc ông Lê Văn H và bà Hồ Thị Thu H có trách nhiệm hoàn trả anh K chị P số tiền hụi còn nợ bằng 148.000.000đ *(một trăm bốn mươi tám triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Lê Văn H và bà Hồ Thị Thu H phải nộp 7.400.000đ *(bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).*

3.2. Hoàn trả anh Nguyễn Thanh K, chị chị Đoàn Thị Hồng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 3.700.000đ theo biên lai thu số: 0015454 ngày 23/5/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 03;
- Lưu: 04.

Nguyễn Văn Mười Hai